TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Thanh tra pháp chế, BVQS

Tháng 4 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Đoàn phí	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**98**			**54.377.050**	**5**	**1.584.615**	**26**	**8.231.385**				**584.000**	**0,37**	**1.037.550**	**65.814.600**	**3.087.500**	**579.100**	**386.200**	**658.200**	**275.000**						**4.986.000**	**60.828.600**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	8.240.000	11	A		9.738.450	5	1.584.615	10	3.169.231				306.000			14.798.296	659.300	123.700	82.500	148.000	55.000						1.068.500	13.729.796	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	8.095.000	23	A		12.252.150			2	622.692					0,30	417.000	13.291.842	647.700	121.500	81.000	132.900	55.000						1.038.100	12.253.742	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	6.843.000	24	A		12.252.150			2	526.385							12.778.535	547.500	102.700	68.500	127.800	55.000						901.500	11.877.035	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	8.865.000	16	A		9.592.150			10	3.409.615				278.000	0,07	620.550	13.900.315	709.300	133.000	88.700	139.000	55.000						1.125.000	12.775.315	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	6.545.000	24	A		10.542.150			2	503.462							11.045.612	523.700	98.200	65.500	110.500	55.000						852.900	10.192.712	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**70**			**24.108.720**			**6**	**1.255.846**	**3**	**1.200.000**	**59.000**				**26.623.566**	**1.306.300**	**245.100**	**163.400**	**266.200**	**165.000**	**30.000**					**2.176.000**	**24.447.566**	
6	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.264.000	24	A		8.684.520			2	481.846							9.166.366	501.200	94.000	62.700	91.700	55.000						804.600	8.361.766	
7	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	4.908.000	23	A		8.187.100			2	377.538							8.564.638	392.700	73.700	49.100	85.600	55.000						656.100	7.908.538	
8	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.154.000	23	A		7.237.100			2	396.462	3	1.200.000	59.000				8.892.562	412.400	77.400	51.600	88.900	55.000	30.000					715.300	8.177.262	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**253**		**61.640**	**62.154.748**			**22**	**4.323.689**							**66.478.437**	**4.497.000**	**843.700**	**562.900**	**664.800**	**605.000**			**726.750**			**7.900.150**	**58.578.287**	
9	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	5.267	5.310.984			2	388.538							5.699.522	404.100	75.800	50.600	57.000	55.000						642.500	5.057.022	
10	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	5.267	5.310.984			2	388.538							5.699.522	404.100	75.800	50.600	57.000	55.000						642.500	5.057.022	
11	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.287.000	23	A	5.267	5.310.984			2	406.692							5.717.676	423.000	79.400	52.900	57.200	55.000						667.500	5.050.176	
12	HL-01011	Nguyễn Văn Lẽ	NV bảo vệ	5.231.000	23	A	5.106	5.148.640			2	402.385							5.551.025	418.500	78.500	52.400	55.500	55.000						659.900	4.891.125	
13	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	5.267	5.310.984			2	370.000							5.680.984	384.900	72.200	48.200	56.800	55.000						617.100	5.063.884	
14	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.210	6.261.859			2	388.538							6.650.397	404.100	75.800	50.600	66.500	55.000			362.100			1.014.100	5.636.297	
15	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.210	6.261.859			2	388.538							6.650.397	404.100	75.800	50.600	66.500	55.000						652.000	5.998.397	
16	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.348	6.401.011			2	388.538							6.789.549	404.100	75.800	50.600	67.900	55.000						653.400	6.136.149	
17	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.287.000	23	A	5.428	5.473.329			2	406.692							5.880.021	423.000	79.400	52.900	58.800	55.000						669.100	5.210.921	
18	HL-00158	Bùi Văn Vượng	NV bảo vệ	5.287.000	23	A	4.922	4.963.103			2	406.692							5.369.795	423.000	79.400	52.900	53.700	55.000						664.000	4.705.795	
19	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.348	6.401.011			2	388.538							6.789.549	404.100	75.800	50.600	67.900	55.000			364.650			1.018.050	5.771.499	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Hà Ráng - Khe Tam**			**702**		**243.182**	**245.212.780**			**62**	**11.992.228**				**793.000**			**257.998.008**	**12.473.300**	**2.340.200**	**1.561.400**	**2.579.900**	**1.705.000**	**120.000**			**728.000**	**800.000**	**22.307.800**	**235.690.208**	
20	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.279	6.331.435			2	388.538							6.719.973	404.100	75.800	50.600	67.200	55.000						652.700	6.067.273	
21	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.287.000	23	A	8.694	8.766.603			2	406.692				167.000			9.340.295	423.000	79.400	52.900	93.400	55.000						703.700	8.636.595	
22	HL-00672	Hoàng Văn Tiến	Bảo vệ cơ động	5.287.000	23	A	4.646	4.684.798			2	406.692							5.091.490	423.000	79.400	52.900	50.900	55.000	30.000					691.200	4.400.290	
23	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.745.000	23	A	7.521	7.583.807			2	365.000							7.948.807	379.700	71.200	47.500	79.500	55.000	30.000					662.900	7.285.907	
24	HL-02362	Đặng Hữu Đoàn	NV bảo vệ	4.581.000	23	A	6.279	6.331.435			2	352.385							6.683.820	366.500	68.800	45.900	66.800	55.000						603.000	6.080.820	
25	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	NV bảo vệ	5.287.000	23	A	8.073	8.140.417			2	406.692							8.547.109	423.000	79.400	52.900	85.500	55.000						695.800	7.851.309	
26	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	8.671	8.743.410			2	388.538							9.131.948	404.100	75.800	50.600	91.300	55.000						676.800	8.455.148	
27	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	7.222	7.282.310			2	383.231							7.665.541	398.600	74.800	49.900	76.700	55.000						655.000	7.010.541	
28	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.231.000	23	A	7.820	7.885.304			2	402.385							8.287.689	418.500	78.500	52.400	82.900	55.000						687.300	7.600.389	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Đoàn phí	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
29	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	8.671	8.743.410			2	370.000							9.113.410	384.900	72.200	48.200	91.100	55.000						651.400	8.462.010	
30	HL-01792	Nguyễn Viết Ninh	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	9.062	9.137.676			2	388.538							9.526.214	404.100	75.800	50.600	95.300	55.000						680.800	8.845.414	
31	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.231.000	23	A	6.509	6.563.356			2	402.385							6.965.741	418.500	78.500	52.400	69.700	55.000						674.100	6.291.641	
32	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	8.671	8.743.410			2	383.231							9.126.641	398.600	74.800	49.900	91.300	55.000						669.600	8.457.041	
33	HL-05745	Nguyễn Việt Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	23	A	9.913	9.995.782			2	352.385							10.348.167	366.500	68.800	45.900	103.500	55.000	30.000					669.700	9.678.467	
34	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	7.981	8.047.648			2	370.000							8.417.648	384.900	72.200	48.200	84.200	55.000						644.500	7.773.148	
35	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	9.108	9.184.060			2	370.000							9.554.060	384.900	72.200	48.200	95.500	55.000	30.000				800.000	1.485.800	8.068.260	
36	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	6.049	6.099.514			2	383.231							6.482.745	398.600	74.800	49.900	64.800	55.000				364.000		1.007.100	5.475.645	
37	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	9.729	9.810.246			2	370.000							10.180.246	384.900	72.200	48.200	101.800	55.000						662.100	9.518.146	
38	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.745.000	23	A	5.589	5.635.673			2	365.000				139.000			6.139.673	379.700	71.200	47.500	61.400	55.000				156.000		770.800	5.368.873	
39	HL-00279	Cao Văn Trường	Bảo vệ cơ động	5.287.000	23	A	9.637	9.717.477			2	406.692				139.000			10.263.169	423.000	79.400	52.900	102.600	55.000						712.900	9.550.269	
40	HL-00524	Nguyễn Trọng Phượng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	23	A	9.499	9.578.325			2	406.692							9.985.017	423.000	79.400	52.900	99.900	55.000						710.200	9.274.817	
41	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	8.349	8.418.721			2	388.538							8.807.259	404.100	75.800	50.600	88.100	55.000						673.600	8.133.659	
42	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	9.246	9.323.212			2	388.538							9.711.750	404.100	75.800	50.600	97.100	55.000						682.600	9.029.150	
43	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	4.830	4.870.335			2	370.000							5.240.335	384.900	72.200	48.200	52.400	55.000						612.700	4.627.635	
44	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	5.117	5.159.731			2	388.538							5.548.269	404.100	75.800	50.600	55.500	55.000				208.000		849.000	4.699.269	
45	HL-00325	Vũ Văn Khả	NV bảo vệ	5.231.000	23	A	9.016	9.091.292			2	402.385							9.493.677	418.500	78.500	52.400	94.900	55.000						699.300	8.794.377	
46	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	10.120	10.204.511			2	388.538							10.593.049	404.100	75.800	50.600	105.900	55.000						691.400	9.901.649	
47	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội phó bảo vệ	5.682.000	23	A	8.993	9.068.099			2	437.077				209.000			9.714.176	454.600	85.300	56.900	97.100	55.000						748.900	8.965.276	
48	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.051.000	18	A	3.258	3.285.207			2	388.538							3.673.745	404.100	75.800	50.600	36.700	55.000						622.200	3.051.545	
49	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	8.671	8.743.410			2	388.538							9.131.948	404.100	75.800	50.600	91.300	55.000						676.800	8.455.148	
50	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	23	A	9.959	10.042.166			2	383.231				139.000			10.564.397	398.600	74.800	49.900	105.600	55.000						683.900	9.880.497	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**551**		**133.303**	**134.416.204**			**49**	**9.466.998**				**167.000**			**144.050.202**	**9.654.400**	**1.811.300**	**1.208.600**	**1.440.400**	**1.320.000**	**60.000**					**15.494.700**	**128.555.502**	
51	HL-02913	Hoàng Kim Thắng	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	5.152	5.195.024			2	388.538							5.583.562	404.100	75.800	50.600	55.800	55.000						641.300	4.942.262	
52	HL-01116	Đỗ Văn Tuyến	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	5.290	5.334.176			2	383.231							5.717.407	398.600	74.800	49.900	57.200	55.000	30.000					665.500	5.051.907	
53	HL-05670	Nguyễn Đức Ngọc	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	4.646	4.684.798			2	370.000							5.054.798	384.900	72.200	48.200	50.500	55.000						610.800	4.443.998	
54	HL-06523	Dương Đình Thảo	NV bảo vệ	4.810.000	22	A	5.170	5.213.180			3	555.000							5.768.180	384.900	72.200	48.200	57.700	55.000						618.000	5.150.180	
55	HL-06190	Trần Nhật Nam	NV bảo vệ	4.581.000	23	A	4.807	4.847.143			2	352.385							5.199.528	366.500	68.800	45.900	52.000	55.000	30.000					618.200	4.581.328	
56	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	5.106	5.148.640			2	383.231							5.531.871	398.600	74.800	49.900	55.300	55.000						633.600	4.898.271	
57	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	3.864	3.896.268			2	383.231							4.279.499	398.600	74.800	49.900	42.800	55.000						621.100	3.658.399	
58	HL-02299	Trần Đức Huệ	NV bảo vệ	4.745.000	23	A	4.968	5.009.487			2	365.000							5.374.487	379.700	71.200	47.500	53.700	55.000						607.100	4.767.387	
59	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	5.106	5.148.640			2	370.000							5.518.640	384.900	72.200	48.200	55.200	55.000						615.500	4.903.140	
60	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	4.646	4.684.798			2	388.538							5.073.336	404.100	75.800	50.600	50.700	55.000						636.200	4.437.136	
61	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.231.000	23	A	6.049	6.099.514			2	402.385							6.501.899	418.500	78.500	52.400	65.000	55.000						669.400	5.832.499	
62	HL-02152	Đào Văn Bình	NV bảo vệ	5.231.000	23	A	7.314	7.375.078			2	402.385							7.777.463	418.500	78.500	52.400	77.800	55.000						682.200	7.095.263	
63	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.287.000	23	A	5.635	5.682.057			2	406.692							6.088.749	423.000	79.400	52.900	60.900	55.000						671.200	5.417.549	
64	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	5.589	5.635.673			2	388.538							6.024.211	404.100	75.800	50.600	60.200	55.000						645.700	5.378.511	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ										Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Đoàn phí	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ	Thuế TNCN			
65	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	5.682.000	23	A	6.923	6.980.813			2	437.077							7.417.890	454.600	85.300	56.900	74.200	55.000						726.000	6.691.890	
66	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	Gác cửa lò	4.982.000	23	A	5.267	5.310.984			2	383.231							5.694.215	398.600	74.800	49.900	56.900	55.000						635.200	5.059.015	
67	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.287.000	23	A	5.267	5.310.984			2	406.692							5.717.676	423.000	79.400	52.900	57.200	55.000						667.500	5.050.176	
68	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	23	A	5.428	5.473.329			2	406.692							5.880.021	423.000	79.400	52.900	58.800	55.000						669.100	5.210.921	
69	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.486	6.540.164			2	388.538							6.928.702	404.100	75.800	50.600	69.300	55.000						654.800	6.273.902	
70	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	5.428	5.473.329			2	370.000							5.843.329	384.900	72.200	48.200	58.400	55.000						618.700	5.224.629	
71	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	5.106	5.148.640			2	388.538							5.537.178	404.100	75.800	50.600	55.400	55.000						640.900	4.896.278	
72	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.877	6.934.429			2	388.538				167.000			7.489.967	404.100	75.800	50.600	74.900	55.000						660.400	6.829.567	
73	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	6.486	6.540.164			2	370.000							6.910.164	384.900	72.200	48.200	69.100	55.000						629.400	6.280.764	
74	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.693	6.748.892			2	388.538							7.137.430	404.100	75.800	50.600	71.400	55.000						656.900	6.480.530	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**368**		**101.890**	**102.740.868**			**32**	**6.193.691**				**139.000**			**109.073.559**	**6.442.200**	**1.208.500**	**806.500**	**1.090.700**	**880.000**	**60.000**	**629.200**				**11.117.100**	**97.956.459**	
75	HL-02099	Nguyễn Công Thành	NV bảo vệ	5.287.000	23	A	11.132	11.224.962			2	406.692							11.631.654	423.000	79.400	52.900	116.300	55.000						726.600	10.905.054	
76	HL-02422	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	4.745.000	23	A	5.359	5.403.752			2	365.000							5.768.752	379.700	71.200	47.500	57.700	55.000						611.100	5.157.652	
77	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	5.966.000	23	A	9.591	9.671.093			2	458.923				139.000			10.269.016	477.300	89.500	59.700	102.700	55.000	30.000					814.200	9.454.816	
78	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.049	6.099.514			2	388.538							6.488.052	404.100	75.800	50.600	64.900	55.000		85.800				736.200	5.751.852	
79	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	6.509	6.563.356			2	370.000							6.933.356	384.900	72.200	48.200	69.300	55.000		143.000				772.600	6.160.756	
80	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	5.359	5.403.752			2	370.000							5.773.752	384.900	72.200	48.200	57.700	55.000						618.000	5.155.752	
81	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	7.337	7.398.270			2	388.538							7.786.808	404.100	75.800	50.600	77.900	55.000		85.800				749.200	7.037.608	
82	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	23	A	4.485	4.522.454			2	352.385							4.874.839	366.500	68.800	45.900	48.700	55.000	30.000					614.900	4.259.939	
83	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	3.749	3.780.307			2	370.000							4.150.307	384.900	72.200	48.200	41.500	55.000						601.800	3.548.507	
84	HL-03938	Phạm Văn Giáp	NV bảo vệ	4.810.000	23	A	6.210	6.261.859			2	370.000							6.631.859	384.900	72.200	48.200	66.300	55.000		114.400				741.000	5.890.859	
85	HL-03802	Vũ Văn Hùng	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	8.142	8.209.993			2	388.538							8.598.531	404.100	75.800	50.600	86.000	55.000						671.500	7.927.031	
86	HL-03113	Đinh Hữu Chiến	NV bảo vệ	4.982.000	23	A	5.359	5.403.752			2	383.231							5.786.983	398.600	74.800	49.900	57.900	55.000						636.200	5.150.783	
87	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	5.359	5.403.752			2	388.538							5.792.290	404.100	75.800	50.600	57.900	55.000						643.400	5.148.890	
88	HL-03808	Trịnh Văn Minh	NV bảo vệ	5.051.000	23	A	6.348	6.401.011			2	388.538							6.789.549	404.100	75.800	50.600	67.900	55.000		114.400				767.800	6.021.749	
89	HL-04919	Nguyễn Văn Tuấn	Bảo vệ cơ động	5.231.000	23	A	3.749	3.780.307			2	402.385							4.182.692	418.500	78.500	52.400	41.800	55.000						646.200	3.536.492	
90	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiễn	Bảo vệ cơ động	5.231.000	23	A	7.153	7.212.734			2	402.385							7.615.119	418.500	78.500	52.400	76.200	55.000		85.800				766.400	6.848.719	
Tổng cộng					**2.042**		**540.015**	**623.010.370**	**5**	**1.584.615**	**197**	**41.463.837**	**3**	**1.200.000**	**59.000**	**1.683.000**	**0,37**	**1.037.550**	**670.038.372**	**37.460.700**	**7.027.900**	**4.689.000**	**6.700.200**	**4.950.000**	**270.000**	**629.200**	**726.750**	**728.000**	**800.000**	**63.981.750**	**606.056.622**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 5 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng